

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 386/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Thịnh Quang Thắng.**

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Hữu Đệ**

2/ Bà **Ngô Thị Yên**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Hải Yến** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Xuân Luân** – Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 225/2022/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2022. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Chị Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1993; Cư trú tại: Thôn V, xã N, huyện Đ, Hà Nội; Có mặt*

2. Bị đơn: *Anh Trần Văn T1, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn Nc, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: Thôn V, xã N, huyện Đ, Hà Nội; Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2022, các lời khai bổ sung, chị Phạm Thị Thanh T - nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Trần Văn T1 kết hôn ngày 28/11/2014, có đăng ký kết hôn UBND xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới anh chị có tự do tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng chị về ở thôn V, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội ở luôn từ đó cho đến nay. Và anh Trần Văn T1 cũng chuyển khẩu về cùng với chị tại thôn V, xã N. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do làm ăn kinh tế. Sau đó, anh T1 sau đó đã không ở cùng chị, anh T1 thuê trọ ở đâu thì cũng không cho chị biết. Anh T1 vẫn gọi điện cho chị để nói chuyện. Anh T1

đồng ý ly hôn nhưng kiên quyết không đến Tòa án làm việc. Anh T1 có quê ở thôn Nc, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay ở quê có bố mẹ anh T1 vẫn ở đó. Chị đã gọi điện về nói chuyện với bố mẹ anh T1 nhưng anh T1 không về đó nên bố mẹ anh T1 cũng nhất trí cho anh chị ly hôn. Bố mẹ hai bên cũng đã hòa giải nhưng anh T1 không thay đổi. Hiện nay anh T1 cố tình gây khó khăn cho chị. Nay chị xác định tình cảm không còn chị xin ly hôn anh T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Phương M, sinh ngày 25/02/2016. Hiện cháu M đang ở với chị do chị chăm sóc. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm Công ty TNHH xây dựng Khang Khải, thu nhập bình quân là 12.000.000đ/tháng.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại đơn trình bày ghi ngày 25/5/2022, anh Trần Văn T1 trình bày:** Anh hiện nay rất bận không đến Tòa án làm việc được, anh xin vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án. Quan điểm của anh: Anh đồng ý ly hôn chị Phạm Thị Thanh T; Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trần Phương M, sinh ngày 25/02/2016. Ly hôn anh nhất trí để chị T nuôi dưỡng con chung; Về tài sản chung: Không có. Anh đề nghị Tòa án đưa ra xét xử cho chị T. Mọi văn bản tố tụng đề nghị Tòa án thông báo cho anh qua số điện thoại 0966788506 và gửi về cho bố mẹ anh là Trần Văn Q ở Thôn Nc, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang nhận thay anh.

Tại phiên tòa:

+ Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T1 ; Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Trần Phương M, sinh ngày 25/02/2016, ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì. Bị đơn không chấp hành quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án nên cần kiến nghị, nhắc nhở.

- Về nội dung vụ án:

+ Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy căn cứ xin ly hôn của chị T là hợp pháp, việc chị T xin ly hôn là có căn cứ được chấp nhận.

+ Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Trần Phương M, sinh ngày 25/02/2016. Ly hôn, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T

không yêu cầu xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải chịu cả

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Chị T kết hôn với anh Trần Văn T1 ngày 28/11/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Anh T1 có nơi cư trú cuối cùng ở thôn V, xã N, Đông Anh, Hà Nội. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên tòa cho anh Trần Văn T1, nhưng anh T1 xin vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Đông Anh tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn T1 là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị Thanh T và anh Trần Văn T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do làm ăn kinh tế. Vợ chồng chị T, anh T1 đã ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh T1 đồng ý ly hôn.

Căn cứ tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương, gia đình chị T, anh T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải vợ chồng nhưng anh chị không thể hàn gắn được mà vẫn mỗi người ở một nơi. Từ phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã quá căng thẳng và trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn với anh T1 là có căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật nên được chấp nhận là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị T, anh T1 có 01 con chung là Trần Phương M, sinh ngày 25/02/2016. Hiện nay cháu M đang ăn ở, học tập và sinh sống với chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T: Hiện nay chị T vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu M đã ăn ở sinh sống ổn định với chị T và vẫn do chị T chăm sóc. Hiện nay cháu M còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Từ những căn cứ trên, căn cứ vào thực tế, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ về thể chất và tinh thần. Do đó, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi chung cho đến khi nào các con thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thanh T đối với anh Trần Văn T1. Chị Phạm Thị Thanh T được ly hôn anh Trần Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Phương M, sinh ngày 25/02/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2020/0046390 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Chị Phạm Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS Đông Anh;
- THA Đông Anh;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ;

Thịnh Quang Thắng